

**Phụ lục I****KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023  
(NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ)***(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 28/ NQ-HĐND	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>491.940</b>	<b>121.710</b>	<b>137.480</b>	
<b>A</b>	<b>Phân bổ cho địa phương</b>	<b>344.448</b>	<b>121.310</b>	<b>93.183</b>	
<b>I</b>	<b>Kế hoạch vốn cho 2 huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</b>	<b>66.240</b>	<b>23.328</b>	<b>17.920</b>	
1	Tánh Linh	33.120	11.664	8.960	
2	Hàm Tân	33.120	11.664	8.960	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch vốn cho các địa phương</b>	<b>278.208</b>	<b>97.982</b>	<b>75.263</b>	
1	Tuy Phong	41.400	14.580	11.200	
2	Bắc Bình	72.864	25.660	19.712	
3	Hàm Thuận Bắc	46.368	16.329	12.544	
4	Phan Thiết	6.624	2.333	1.792	
5	Hàm Thuận Nam	31.464	11.082	8.512	
6	La Gi	6.624	2.333	1.792	
7	Hàm Tân	16.560	5.833	4.480	
8	Tánh Linh	34.776	12.249	9.407	
9	Đức Linh	16.560	5.833	4.480	
10	Phú Quý	4.968	1.750	1.344	
<b>B</b>	<b>Công trình nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (20%)</b>	<b>98.388</b>	<b>400</b>	<b>35.000</b>	<i>Giao UBND tỉnh phân khai</i>
<b>C</b>	<b>Các chương trình, chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt</b>	<b>49.104</b>	<b>-</b>	<b>9.297</b>	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 28/ NQ-HĐND	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
I	<b>Hỗ trợ liên kết, liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp</b>			<b>2.797</b>	<i>Bao gồm thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ (theo Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND tỉnh)</i>
1	Đức Linh			2.050	
2	Chi cục Phát triển nông thôn			747	
II	<b>Thực hiện Chương trình hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>6.500</b>	
1	Tánh Linh			6.500	